

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 29/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phối hợp trong công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 428/TTr-STNMT ngày 24/10/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố thủ tục hành chính mới ban hành; sửa đổi, bổ sung/thay thế và bãi bỏ ngành tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum (có Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và:

- Thay thế Quyết định số 533/QĐ-UBND ngày 21/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới; thủ tục hành chính đã sửa đổi, bổ

sung, thay thế và bãi bỏ trong lĩnh vực khoáng sản, tài nguyên nước và đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp;

- Thay thế Quyết định số 633/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành của lĩnh vực Đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Thay thế Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 28/8/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum;

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính từ 01 đến 05 mục V phần I, II tại Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 09/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh Kon Tum;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 10 và 12 mục IV phần I, II tại Quyết định số 1227/QĐ-UBND ngày 09/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bổ sung các bộ thủ tục hành chính vào bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 22 mục XI phần I, II tại Quyết định số 817/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 22 mục IX phần I, II tại Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính chung áp dụng tại cấp xã phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (t/h);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Lưu VT-KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Lại Xuân Lâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; SỬA ĐỔI, BỔ SUNG/THAY
THỂ VÀ BÃI BỎ NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRÊN
ĐỊA BÀN TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 30/10/2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành:

STT	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Đất đai
I.1	Cấp tỉnh
01	Thẩm định phương án sử dụng đất của công ty nông, lâm nghiệp và các Công ty Nhà nước thực hiện cổ phần hóa.
02	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
03	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất
04	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, chuyển mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất
05	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê thông qua hình thức đấu giá
06	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thông qua hình thức đấu giá.
I.2	Cấp huyện
01	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đang sử dụng đất do nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế nhận tặng cho quyền sử dụng đất trước ngày 01/01/2008 mà đất đó chưa được cấp giấy chứng nhận.
02	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm
03	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, chuyển

	mục đích sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, chuyển hình thức sử dụng đất đối với trường hợp áp dụng phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất
04	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê thông qua hình thức đấu giá
05	Luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của người sử dụng đất trong trường hợp cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm thông qua hình thức đấu giá.
II	Lĩnh vực Môi trường
II.1	Cấp tỉnh
01	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết
02	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản
03	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án
04	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
05	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với trường hợp đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản và Phương án bổ sung trường hợp thay đổi diện tích, độ sâu, công suất khai thác khoáng sản
06	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong trường hợp đang khai thác khoáng sản nhưng chưa có phương án được phê duyệt hoặc chưa ký quỹ; hoặc đã có phương án phê duyệt nhưng không triển khai dự án trong 24 tháng
07	Thẩm định, phê duyệt Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trong trường hợp thay đổi nội dung cải tạo, phục hồi môi trường so với phương án đã được duyệt.
08	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án/Phương án bổ sung cải tạo, phục hồi môi trường
09	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất
10	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn)
11	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (Giấy xác nhận bị mất, bị hư hỏng)
II.2	Cấp huyện
01	Cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản
02	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường
II.3	Cấp xã
01	Cấp Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cấp xã
III.	Lĩnh vực Khoáng sản
01	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò được cơ quan nhà

	nước có thẩm quyền phê duyệt
02	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt
03	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
04	Kiểm tra, nghiệm thu và trình ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản
05	Đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong phần diện tích dự án xây dựng công trình
06	Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình
07	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản
IV	Lĩnh vực Tài nguyên nước
01	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.
02	Thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (<i>Thực hiện đồng thời với hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép về tài nguyên nước</i>)
03	Thẩm định, phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (<i>Đối với trường hợp đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ có hiệu lực thi hành</i>)
04	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
V	Lĩnh vực Khí tượng Thủy văn
01	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức
02	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với cá nhân
03	Sửa đổi/bổ sung/gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn đối với tổ chức, cá nhân
04	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn
VI	Lĩnh vực Đo đạc Bản đồ
01	Thẩm định đề cương, thiết kế kỹ thuật-dự toán các công trình đo đạc lập bản đồ địa chính sử dụng vốn ngân sách nhà nước
02	Kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm địa chính
VII	Lĩnh vực Thanh tra
VII.1.	Cấp tỉnh
01	Tiếp công dân
02	Tiếp nhận, xử lý đơn, thư
VII.2.	Cấp huyện
01	Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường
02	Giải quyết tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.
03	Giải quyết khiếu nại lần đầu: Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường
04	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường
05	Thủ tục giải quyết Khiếu nại tranh chấp lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện
VII.3.	Cấp xã
01	Thủ tục xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

02	Thủ tục hoà giải tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND xã
03	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu: Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường

B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung/thay thế:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung/thay thế
I	Lĩnh vực Đất đai		
I.1	Cấp tỉnh		
01		Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải chấp thuận chủ trương đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	
02		Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải chấp thuận chủ trương đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum</p>
03		Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp Chuyển đổi công ty, Công ty bị chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất trong các trường hợp Công ty trước khi chuyển đổi, chia, tách hoặc sáp nhập, hợp nhất đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất hoặc được Nhà nước cho thuê đất thu tiền sử dụng đất một lần cho cả thời gian thuê, giao đất có thu tiền sử dụng đất nhưng tiền sử dụng đất, tiền thuê đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước	
04		Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép cơ quan có thẩm quyền đối với tổ	

		chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
05		Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai (<i>đối với tổ chức được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất; người sử dụng đất thuê của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm bị giải thể, phá sản, chuyển đi nơi khác, giảm hoặc không còn nhu cầu sử dụng đất</i>)	
06		Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum
07		Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai	
08		Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
09		Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	
10		Gia hạn sử dụng đất	
11		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
12		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
13		Đăng ký đất đai đối với trường hợp Nhà	

		nước giao đất để quản lý.	
14		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
15		Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thừa đất liền kề	
16		Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
17		Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	
18		Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại trang bổ sung của GCN do bị mất	
19		Đăng ký biến động quyền sử dụng đất đối với trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; trường hợp sử dụng đất thông qua nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án, công trình sản xuất, kinh doanh (đối với trường hợp mục đích sử dụng đất của dự án, công trình sản xuất, kinh doanh không thay đổi so với mục đích của thửa đất nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất).	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum</p>
20		Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
21		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01/7/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	

22		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án</p>	
23		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; <i>(Áp dụng cho cả trường hợp hộ gia đình, cá nhân thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mà không thay đổi mục đích sử dụng đất).</i></p>	
24		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	
25		<p>Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép UBND tỉnh <i>(Chuyển đất trồng cây hàng năm sang xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép; Chuyển đất ở sang đất phi nông nghiệp không phải là đất ở) không phải là đất ở)</i></p>	
26		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do chuyển đổi công ty, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp <i>(trong các trường hợp Công ty, doanh nghiệp trước khi chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất)</i></p>	

		<i>hàng năm hoặc được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển quyền sử dụng đất mà tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển quyền sử dụng đất đã trả không có nguồn từ ngân sách nhà nước; Chuyển đổi công ty, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp đồng thời với việc chuyển mục đích sử dụng đất mà không thuộc trường hợp phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền).</i>	
27		Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	
28		Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
I.2	Cấp huyện		
01		Giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất	<p>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</p> <p>- Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Kon Tum</p>
02		Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của UBND cấp huyện	
03		Thu hồi đất do cá nhân sử dụng đất chết mà không có người thừa kế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
04		Thu hồi đất do có nguy cơ đe dọa tính mạng con người theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai	
05		Thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai.	
06		Thu hồi đất do người sử dụng đất tự nguyện trả lại đất được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai.	
07		Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	
08		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,	

		quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu
09		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất
10		Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận.
11		Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý
12		Đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề
13		Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu
14		Tách thửa hoặc hợp thửa đất
15		Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng
16		Cấp lại Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất hoặc cấp lại Trang bổ sung Giấy chứng nhận do bị mất
17		Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa”
18		Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng
19		Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
20		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp

		chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01/07/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định
21		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.
22		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất; chuyển quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp tư nhân.
23		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.
24		Đăng ký biến động do chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất
25		Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền
26		Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây

		dụng đã cấp	
27		Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	
II	Lĩnh vực Môi trường		
01		Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ
02		Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
03		Thủ tục thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược	- Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum
04		Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	
05		Chứng nhận cơ sở đã hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 của Thủ tướng Chính phủ	
III	Lĩnh vực Khoáng sản		
01		Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	
02		Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	
03		Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	
04		Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản	- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;
05		Thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản	- Thông tư 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
06		Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản	- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
07		Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	
08		Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	
09		Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	
10		Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
11		Gia hạn giấy phép tận thu khoáng sản	
12		Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	
13		Thẩm định, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	
IV	Lĩnh vực Tài nguyên nước		- Nghị định số

01		Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất	60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ. - Nghị Quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.
02		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất	
03		Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
04		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất	
05		Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
06		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt	
07		Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
08		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào nguồn nước	
09		Cấp lại giấy phép tài nguyên nước	
10		Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	
11		Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)	
12		Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)	
13		Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô vừa/nhỏ)	
V	Lĩnh vực Đo đạc Bản đồ		
01		Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ. - Nghị quyết số 77/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum; - Thông tư số 196/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
02		Thẩm định hồ sơ bổ sung nội dung Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	
03		Cung cấp thông tin tư liệu địa chính	
04		Cung cấp thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ	
VI	Lĩnh vực Thanh tra		- Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; - Luật Đất đai năm 2013; - Luật Tài nguyên nước năm 2012;
5.1	Cấp tỉnh		
01		Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
02		Giải quyết tố cáo trong lĩnh vực tài	

		nguyên và môi trường	- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2014; - Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.
03		Giải quyết khiếu nại lần đầu: Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	
04		Giải quyết khiếu nại lần hai trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	
05		Giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ:

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Đất đai		<i>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.</i>
I.1	Cấp tỉnh		
01		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	
02		Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình chuyển quyền sử dụng đất (hình thức: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn) vào doanh nghiệp tư nhân.	
03		Chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (áp dụng cho cả trường hợp chuyển nhượng dự án có sử dụng đất).	
04		Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp.	
II	Cấp huyện		
01		Ban hành QĐ cưỡng chế thu hồi đất	
02		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	
03		Cho thuê đất đối với trường hợp mua tài sản gắn liền với đất, đã được Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm để thực hiện phươ ng	

		án sản xuất, kinh doanh.	
04		Ban hành quyết định kiểm đếm bắt buộc	
05		Ban hành quyết định cưỡng chế, thực hiện quyết định kiểm đếm bắt buộc.	
06		Ban hành thông báo thu hồi đất.	
III	Cấp xã		
01		Hòa giải tranh chấp đất đai đối với hộ gia đình cá nhân.	
02		Giải quyết tranh chấp đất đai đối với hộ gia đình, cá nhân.	
03		Cung cấp thông tin đất đai	
04		Đăng ký chuyển mục đất sử dụng đất không phải xin phép UBND cấp huyện	
05		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	
06		Cấp lại Giấy chứng nhận, giấy chứng nhận quyền sở hữu Nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng do bị mất (<i>thực hiện cho cả thủ tục cấp lại trang bổ sung của giấy chứng nhận bị mất</i>)	- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.
07		Luân chuyển hồ sơ để thực hiện nghĩa vụ tài chính	
08		Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất; Đăng ký bổ sung đối với tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận	
09		Đăng ký đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	
10		Đăng ký xác lập hoặc thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế	

		thửa đất liền kề	
11		Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
12		Tách thửa hoặc hợp thửa đất	
13		Cấp đổi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng	
14		Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “dồn điền đổi thửa”	
15		Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà không thuộc trường hợp “dồn điền đổi thửa”; chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng	
16		Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
17		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trước ngày 01/07/2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
18		Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	

19		<p>Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định</p>	<p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ. - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 26/2015/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.</p>
20		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất; giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên bán đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, nhóm người sử dụng đất</p>	
21		<p>Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	
22		<p>Đăng ký biến động do Chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất</p>	

23		Đính chính Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	
24		Thu hồi Giấy chứng nhận, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã cấp	
II.		Lĩnh vực Môi trường	
01		Xác nhận cam kết bảo vệ môi trường	<p>- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014.</p> <p>- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ</p> <p>- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
02		Xác nhận cam kết bảo vệ môi trường bổ sung	
03		Phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường	
04		Cấp giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại	
05		Điều chỉnh Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại	
07		Gia hạn Giấy phép hành nghề vận chuyển chất thải nguy hại	
08		Điều chỉnh Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại	
09		Cấp Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại	
10		Điều chỉnh giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại	
11		Gia hạn Giấy phép hành nghề xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại	
12		Thẩm định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung	
13		Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường	
14		Thẩm định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (áp dụng đối với các dự án mới)	
15		Cấp Giấy xác nhận về việc đã thực hiện các nội dung của báo cáo và yêu cầu của Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung	
16		Cấp Giấy xác nhận hoàn thành thực	

		hiện Đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt	
17		Xác nhận hoàn thành thực hiện Dự án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	
18		Kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	
19		Cấp Giấy xác nhận cơ sở đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu.	
III	Lĩnh vực đo đạc bản đồ		
01		Đăng ký hoạt động đo đạc bản đồ	
02		Thẩm định phương án đo đạc và thành lập bản đồ địa chính phục vụ công tác thu hồi, giao đất, cho thuê đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	- Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ.
03		Kiểm tra chất lượng ngoại nghiệp sản phẩm đo đạc thành lập bản đồ địa chính	
04		Kiểm tra chất lượng nội nghiệp sản phẩm đo đạc thành lập bản đồ địa chính	

D. DANH MỤC PHỤ LỤC

Số	Nội dung	Vị trí dẫn trích
Phụ lục 1	Phí thuộc lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường (Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum)	TTHC số 01, điểm 2.1, mục A - Lĩnh vực Môi trường
Phụ lục 2	Chi tiết các Điều 61, 62 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 4 Điều 16 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ	TTHC số 01, điểm 1.1, mục B - Lĩnh vực Đất đai
Phụ lục 3	Danh mục các dự án được quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ	TTHC số 01, điểm 1.1, mục B - Lĩnh vực Đất đai
Phụ lục 4	Chi tiết Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ	TTHC số 05, điểm 1.1, mục B - Lĩnh vực Đất đai

Phụ lục 5	Chi tiết Điều 64 của Luật Đất đai năm 2013	TTHC số 07, điểm 1.1, mục B - Lĩnh vực Đất đai
Phụ lục 6	Chi tiết các điều 100 Luật đất đai năm 2013 và điều 18, 31, 32, 33, 34 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của chính phủ	TTHC số 11, điểm 1.1, mục B - Lĩnh vực Đất đai